

CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 1/2025

CTCP Bê tông Hòa Cầm - INTIMEX

Ngày 31/03/2025	14,000 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	6.1%	12.9%	22.8%

DT thuần Q1/25
76.6
tỷ VNĐ
QoQ: ▼4.60 -5.7%
YoY: ▲ 22.2 40.8%

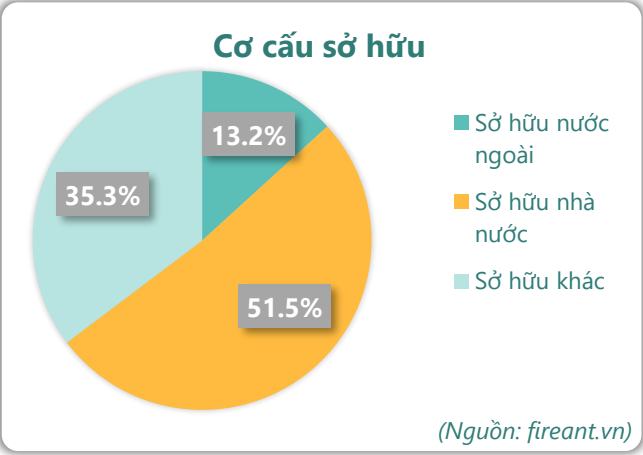
LN thuần Q1/25
5.88
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 2.45 71.5%
YoY: ▲ 3.99 211%

LN sau thuế Q1/25
4.53
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 1.95 75.7%
YoY: ▲ 3.22 246%

Tỷ suất lãi EBIT Q1/25
7.6%
YoY: +/-▲ 3.3%

ROE (TTM) Q1/25
18.3%
YoY: +/-▲ 3.2%

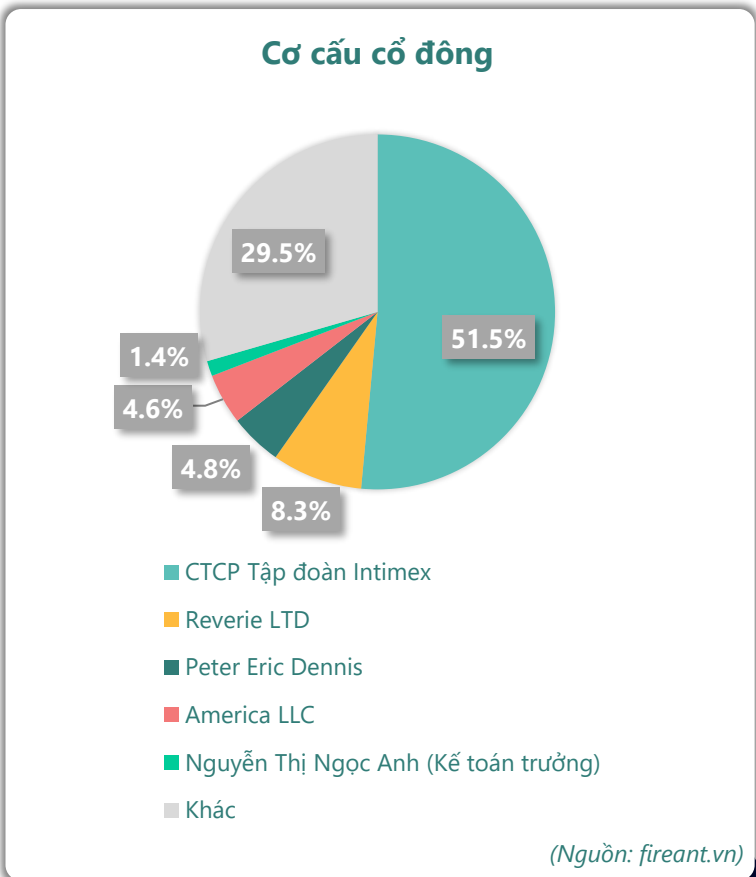
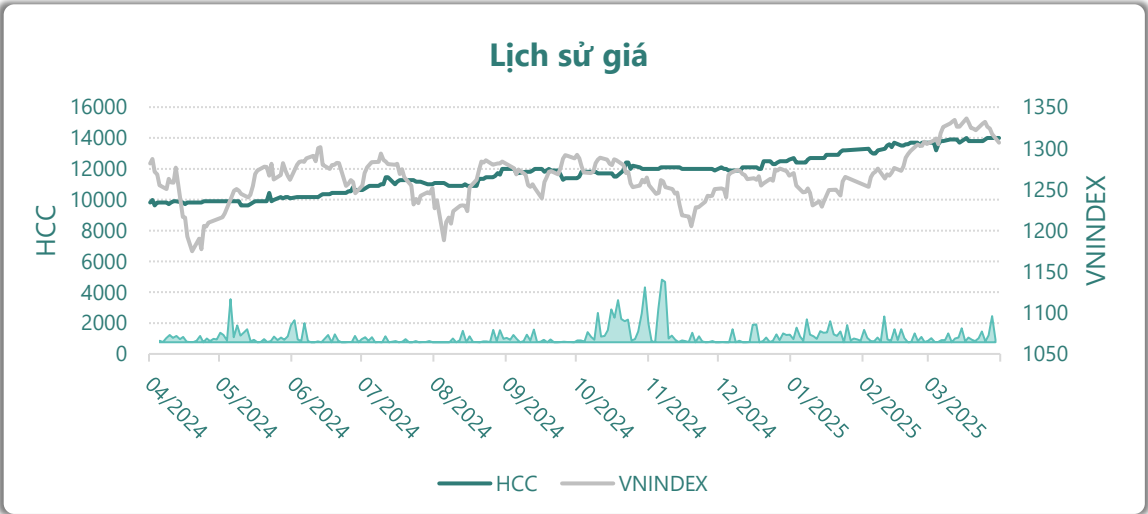
Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	9,629 - 14,000
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	91
Số lượng CPLH (CP)	6,518,547
KLGD BQ 20 phiên (CP)	2,915
Sở hữu nước ngoài	13.2%
Beta	
EPS	2,420
P/E	5.8



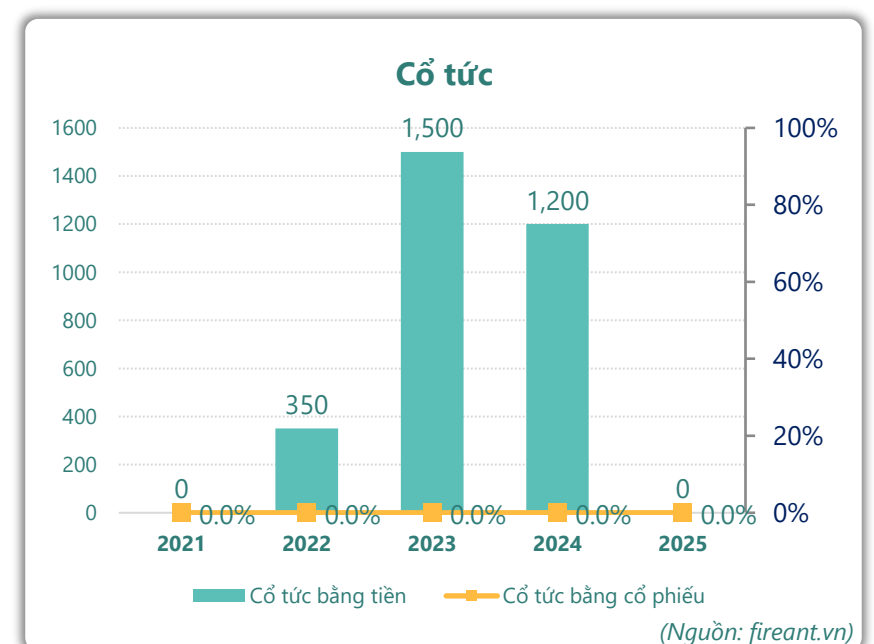
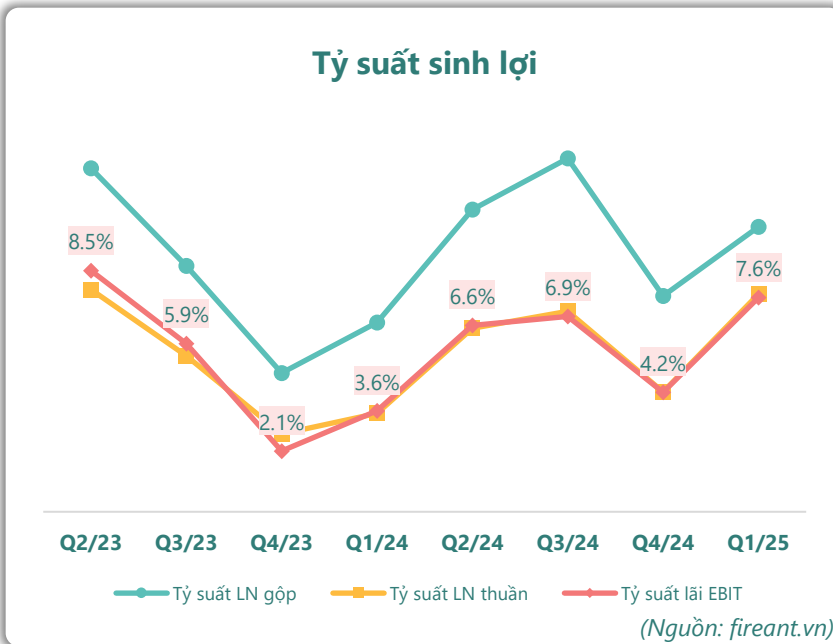
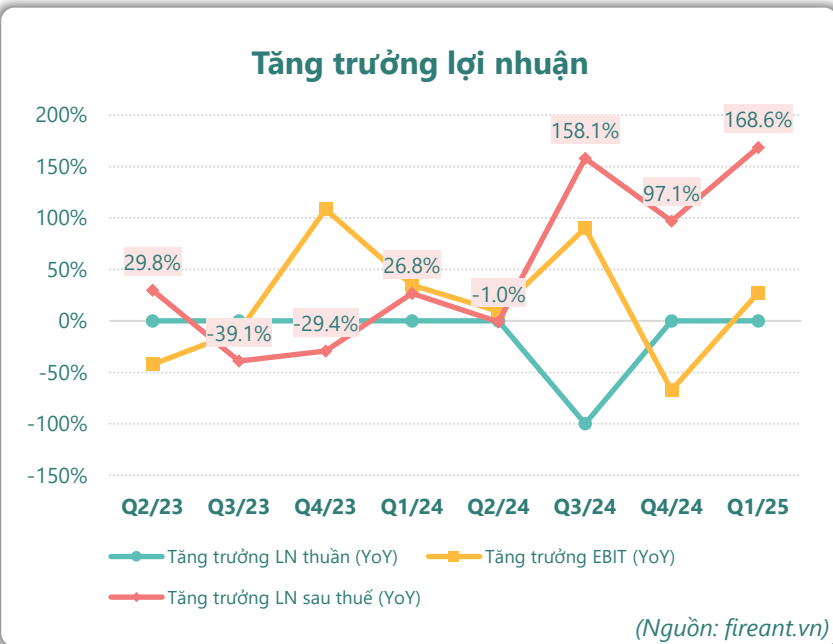
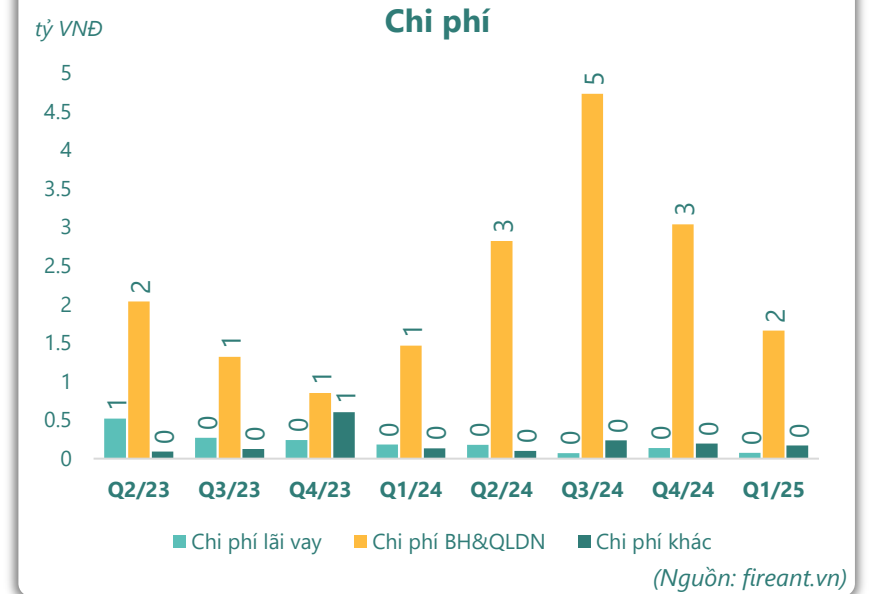
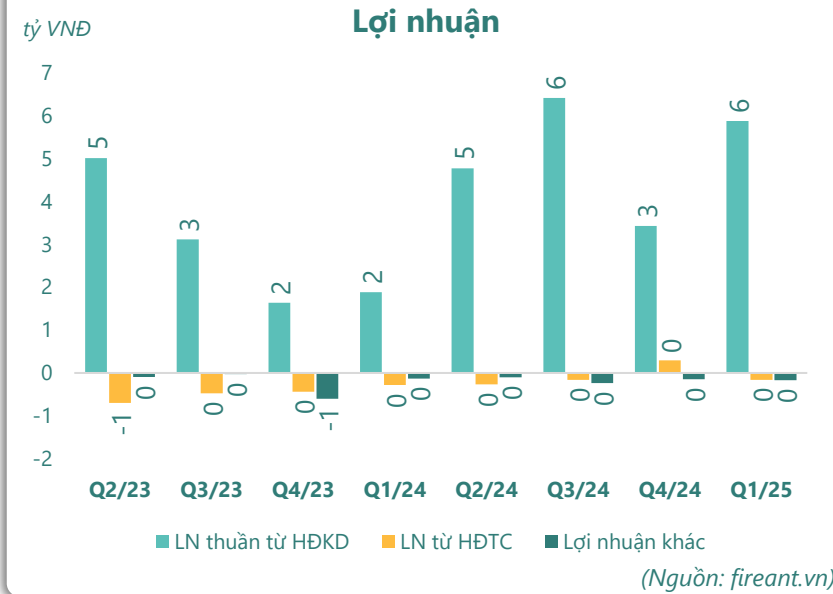
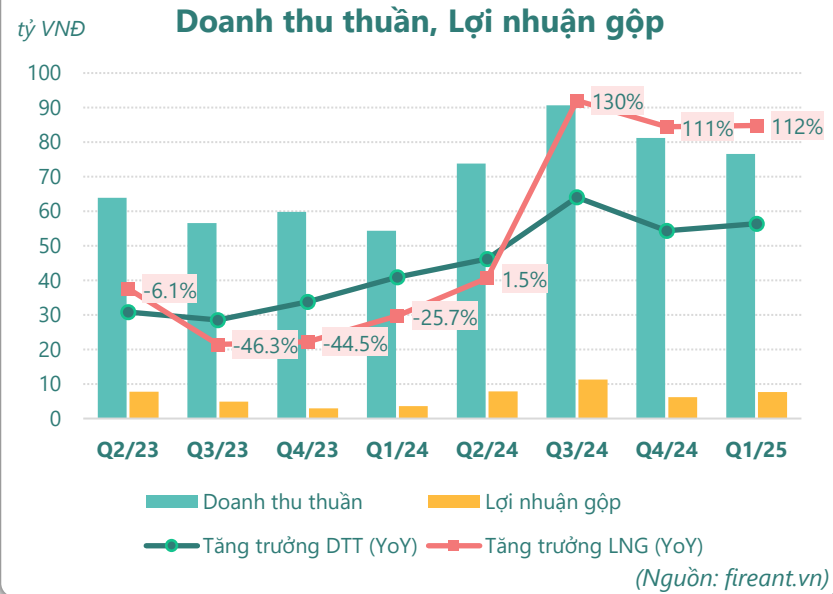
DT thuần 2024
300
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 66.0 28.5%

LN thuần 2024
16.5
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 4.40 36.7%

LN sau thuế 2024
12.6
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 3.47 37.5%



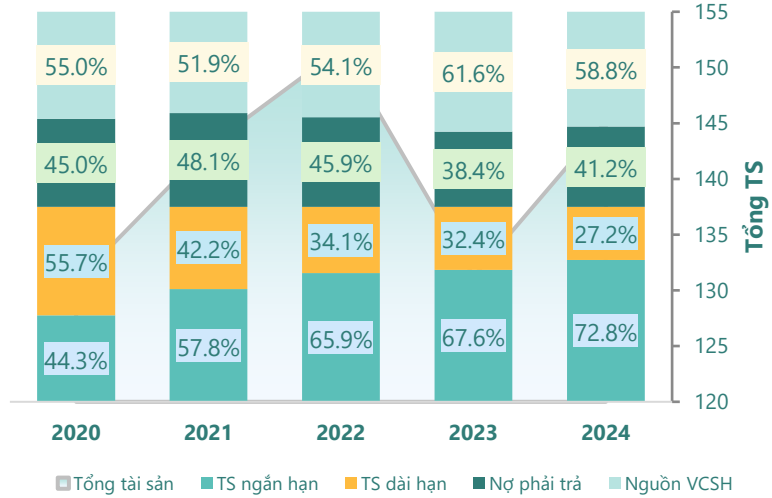
KẾT QUẢ KINH DOANH



TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

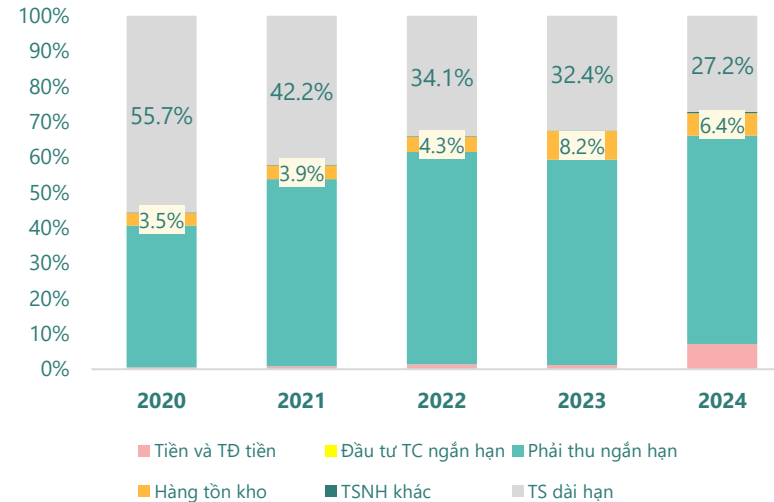
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

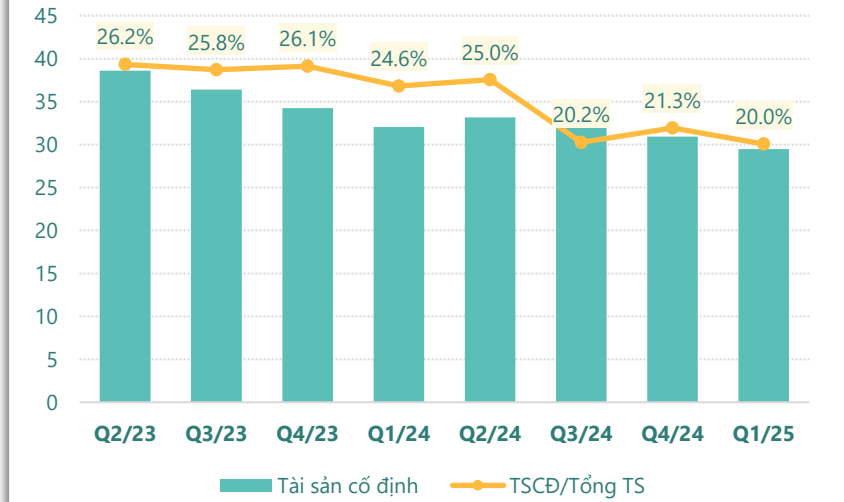
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

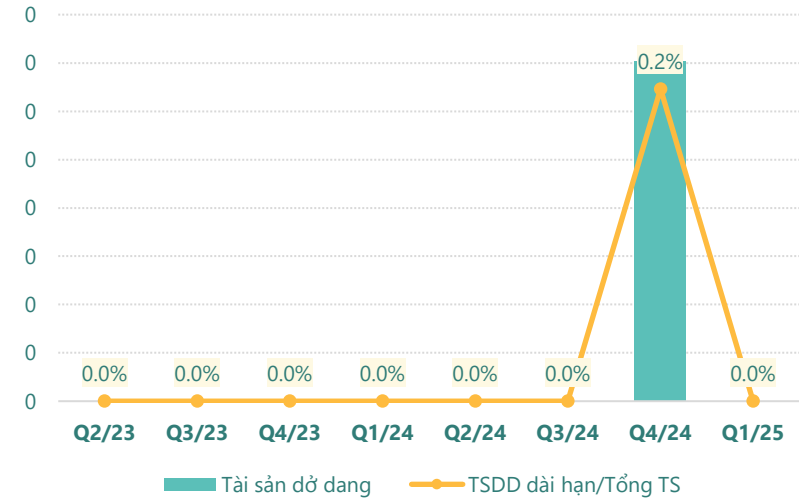
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

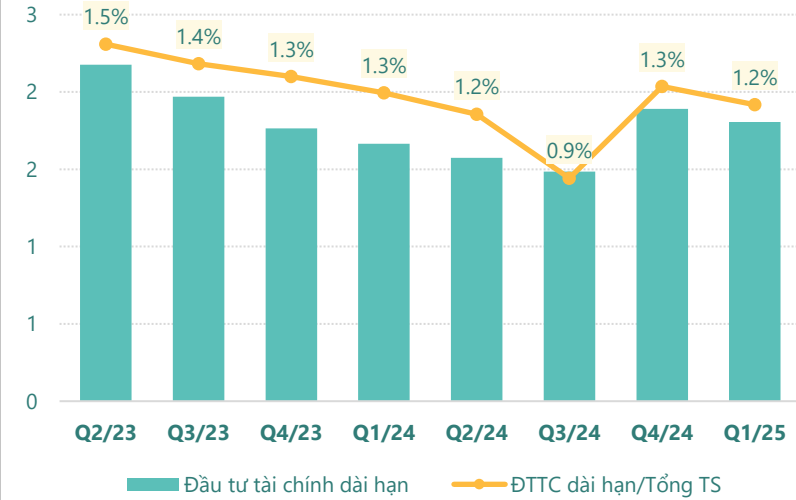
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

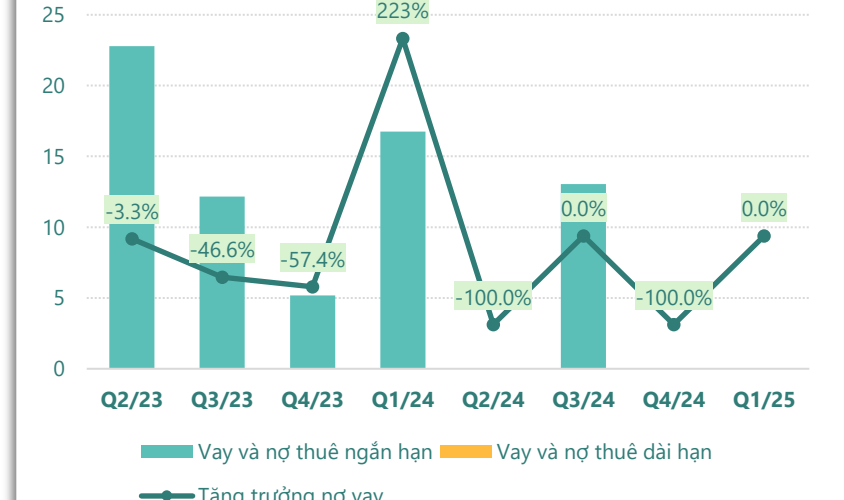
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

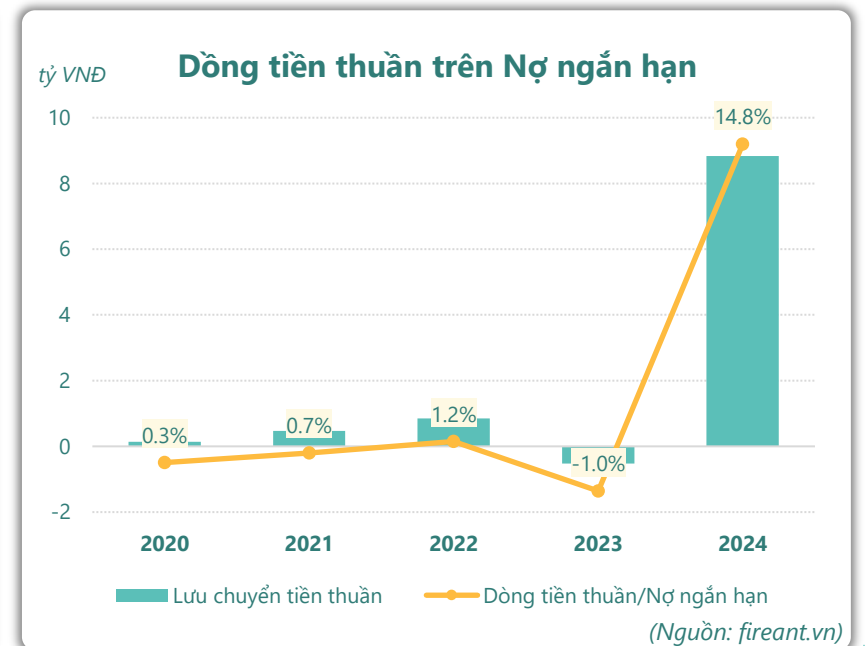
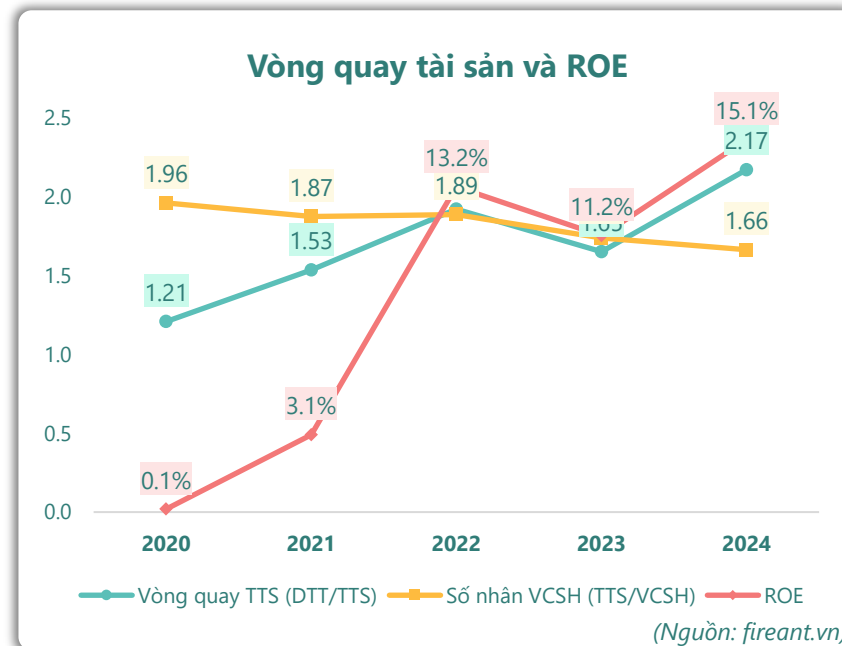
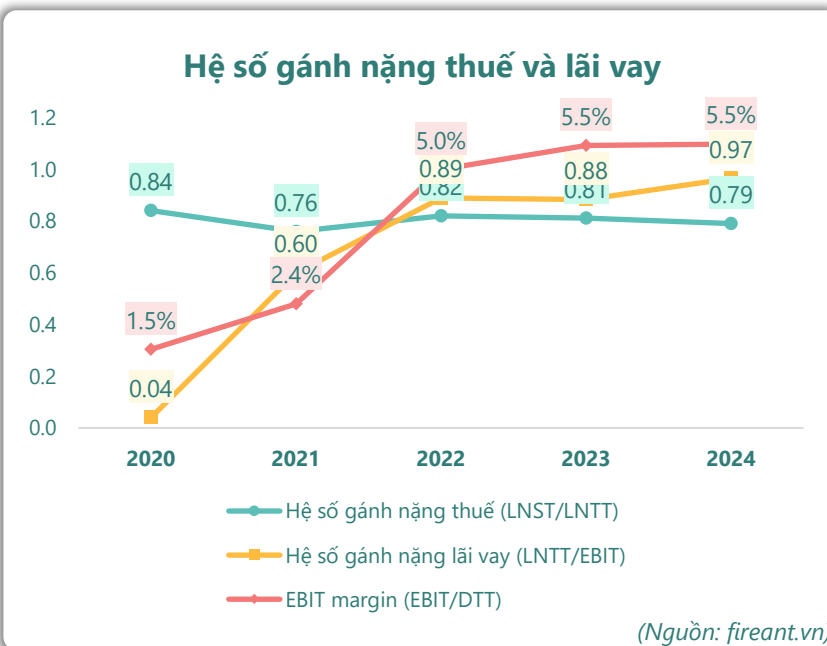
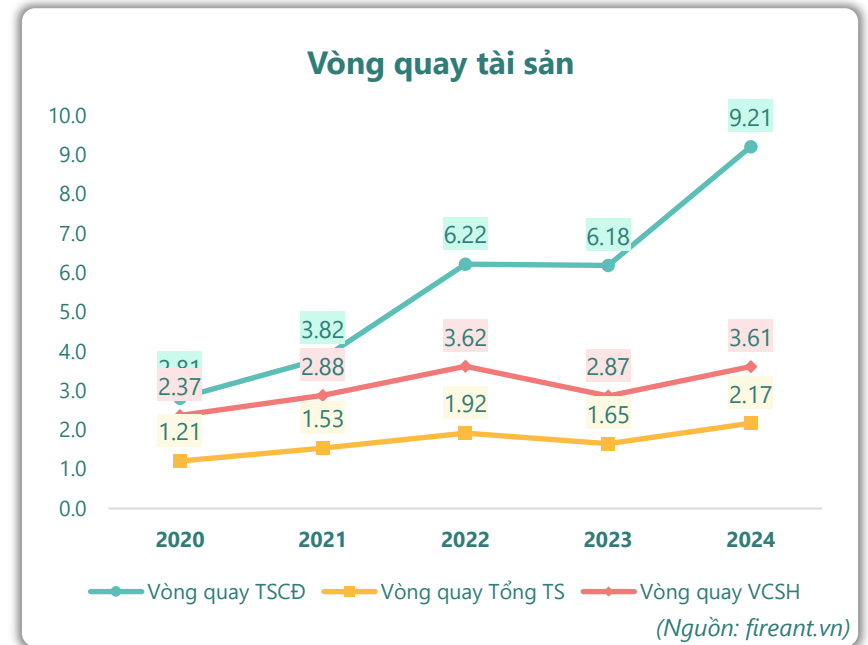
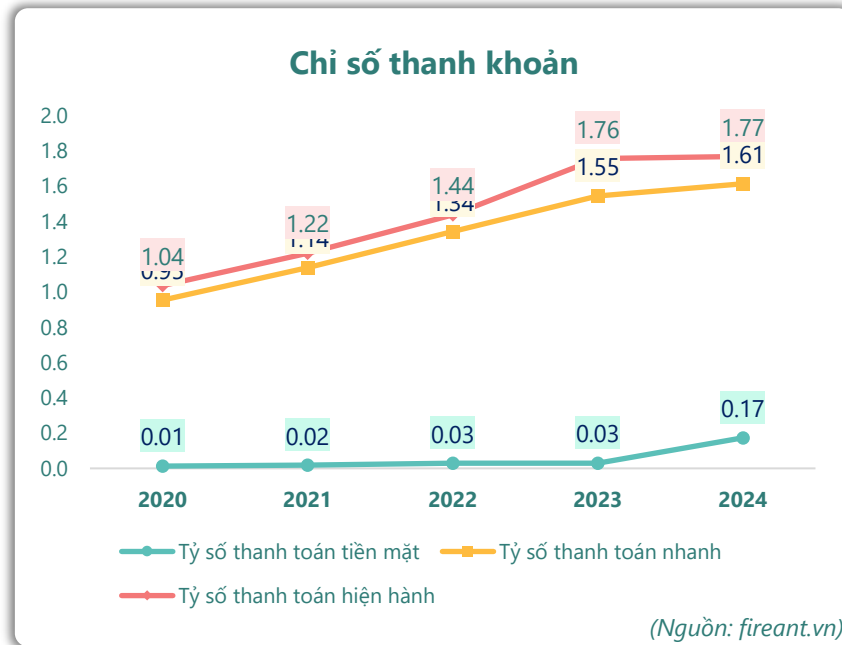
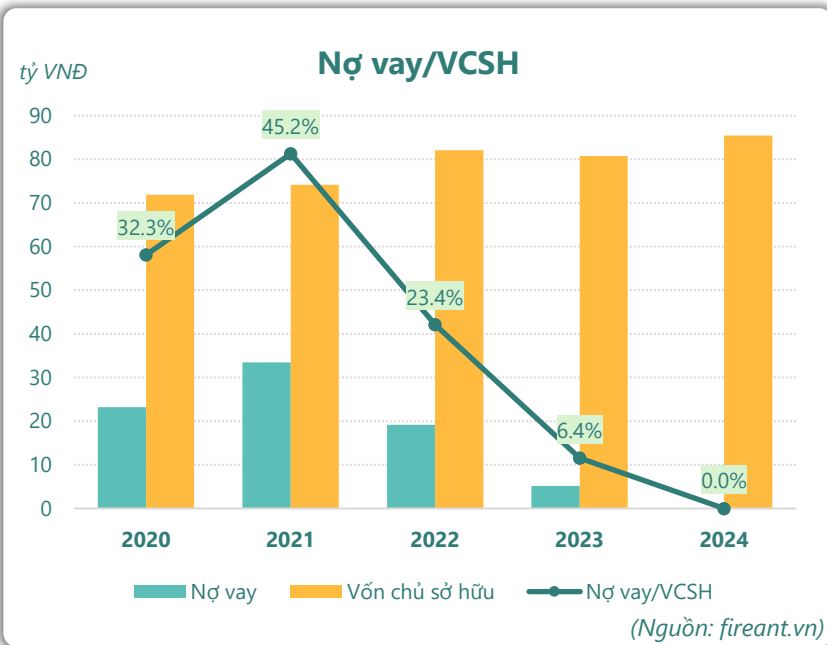
Nợ vay

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG





KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)	Q1/25	Q1/24	Thay đổi YoY	2024	2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	76.6	54.4	40.8%	300	234	28.5%
Giá vốn hàng bán	68.9	50.7	35.9%	271	213	27.2%
Lợi nhuận gộp	7.70	3.63	112%	29.0	20.5	41.6%
Doanh thu HĐTC	0.00	0.00		0.03	0.01	120%
Chi phí TC	0.16	0.28	-42.5%	0.45	2.22	-79.9%
Chi phí lãi vay	0.08	0.19	-60.2%	0.57	1.49	-61.6%
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	0	0.00		0	0	
Chi phí QLDN	1.66	1.46	13.8%	12.1	6.19	94.8%
LN thuần từ HĐKD	5.88	1.89	211%	16.5	12.1	36.7%
Lợi nhuận khác	-0.17	-0.13	-30.8%	-0.62	-0.82	24.9%
LN trước thuế	5.71	1.75	226%	15.9	11.3	41.2%
Lợi nhuận sau thuế	4.53	1.31	246%	12.6	9.13	37.5%
LNST của CĐ cty mẹ	4.53	1.31	246%	12.6	9.13	37.5%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	7.80	-11.7	23.5	-6.03	21.4	2.29
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-0.07	0.00	-3.31	0.05	-2.03	-0.43
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-16.8	11.6	-16.7	13.1	-20.9	0
Tiền đầu kỳ	10.6	1.52	1.34	4.83	11.9	10.4
Lưu chuyển tiền thuần	-9.04	-0.18	3.49	7.08	-1.54	1.86
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	1.52	1.34	4.83	11.9	10.4	12.2

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/3/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	147	145	1.4%
Tài sản ngắn hạn	110	106	3.7%
Tiền và tương đương tiền	12.2	10.4	18.0%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	89.8	85.6	4.9%
Hàng tồn kho	7.36	9.26	-20.6%
Tài sản ngắn hạn khác	0.22	0.50	-56.9%
Tài sản dài hạn	37.6	39.5	-4.8%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	29.5	30.9	-4.6%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0.35	-100%
Đầu tư tài chính dài hạn	1.81	1.89	-4.5%
Tài sản dài hạn khác	6.29	6.33	-0.7%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	57.2	59.8	-4.3%
Nợ ngắn hạn	57.2	59.8	-4.3%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	51.2	51.8	-1.2%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	90.0	85.4	5.3%
Vốn chủ sở hữu	90.0	85.4	5.3%
Vốn điều lệ	65.2	65.2	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

